

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIÊN KHÁNH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 14 - 8 - 2020  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Sương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Lững

Ông Đỗ Công Luận

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh - Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1985

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã Diên S, huyện D, Khánh Hoà.

Chỗ ở hiện nay: Đội 3, tổ 7, thôn Đông D, xã Diên T, huyện D, Khánh Hoà.

Bà L Có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn N, xã Diên S, huyện D, Khánh Hoà.

Ông T có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim L trình bày:***

Năm 2004, bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên S. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông T thường xuyên uống rượu, say xỉn, về nhà dùng những lời lẽ xúc phạm và đánh bà nhiều lần. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có sự tin tưởng, ông T luôn nghi ngờ bà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác ở bên ngoài. Bà và ông T không còn chung sống với nhau từ tháng 03/2020 đến nay, bà sống nhờ tại nhà anh ruột ở xã Diên T, huyện D; khi bà bỏ đi cho tới nay thì mỗi người tự lo cho cuộc

sống của mình, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, bà nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung Nguyễn Trọng H, sinh ngày 02/10/2005 và Nguyễn Ngọc Khánh H1, sinh ngày 05/5/2015. Cháu H hiện đang sinh sống cùng bà, cháu đã lớn nên việc sinh hoạt cháu tự lo còn cháu H1 sống cùng bà ở Diên T từ tháng 3/2020 cho đến ngày 24/6/2020 thì ông T dẫn cháu về Diên S sinh sống cho tới nay; bà làm công nhân cho Công ty may đồ bơi nhưng đã nghỉ vì dịch bệnh nên hiện nay bà buôn bán cá ở chợ, do tính chất công việc nên bà đi từ 04 giờ sáng đến 07 giờ tối mới về, việc đưa đón cháu H1 bà thường nhờ người thân trong gia đình. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi hai con; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu H, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi vì bà làm nghề buôn bán cá, thu nhập hàng tháng khoảng 4.000.000đ - 5.000.000đ không đủ khả năng nuôi hai con và bà muốn ông T có trách nhiệm với con.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông T không có nợ chung.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Về thời gian chung sống, kết hôn như bà Nguyễn Kim L trình bày, ông không có ý kiến gì. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy cháu H. Ông thừa nhận có uống rượu nhưng không thường xuyên như bà L trình bày vì ông làm việc trong nhà máy sản xuất bia nên thỉnh thoảng có giao lưu với đồng nghiệp trong Công ty. Ông xác nhận khi cãi nhau do không kìm chế được bản thân nên có đánh bà L nhưng không phải nhiều lần như bà L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do ông không muốn bà L thường xuyên đến quán nhậu của chị vợ chơi vì ông thấy môi trường này không tốt nhưng bà L không nghe nên vợ chồng liên tục kình cãi, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 03/2020 đến nay, bà L bỏ nhà đi và ở nhờ tại nhà của anh ruột bà tại xã Diên T, huyện D; từ khi bà L đi đến nay vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình. Nay, bà L yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Ngọc Khánh H1, sinh ngày 05/5/2015, không yêu cầu bà L cấp dưỡng; đồng ý giao con chung Nguyễn Trọng H, sinh ngày 02/10/2005 cho bà L nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi cháu H; ông không đồng ý giao cháu H1 cho bà L nuôi nên ông không cấp dưỡng cho cháu H1 mỗi tháng 3.000.000đ như bà L yêu cầu. Hiện nay cháu H đang sống cùng với bà L ở Diên T; cháu H1 thì bà L dẫn về Diên T nhưng vì bà L không cho cháu đi học được nên ngày 24/6/2020 ông đã dẫn cháu H1 về Diên S sinh sống cho đến nay, cháu H1 học mẫu giáo nhờ tại trường Mần non Diên S và hiện nay cháu đang nghỉ hè, vào ngày nghỉ thì bà L dẫn cháu về Diên T chơi với bà.

Về tài sản chung: Ông và bà L tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định giữa ông và bà L không có nợ chung.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim L và ông Nguyễn Văn T. Giao con chung Nguyễn Trọng H, sinh ngày 02/10/2005 cho bà Nguyễn Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh H1, sinh ngày 05/5/2015 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T và bà L. Về án phí: Bà Nguyễn Kim L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: Bà Nguyễn Kim L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diên S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 90/2004 ngày 24/12/2004, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vì nhiều nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, nay bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T có địa chỉ tại: Thôn N, xã Diên S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận định: Trong tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Kim L và ông Nguyễn Văn T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau. Tòa án hòa giải để ông T và bà L hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng cả hai bên vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn trong hôn nhân và thỏa thuận thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim L và ông Nguyễn Văn T là phù hợp.

[2.1] Về con chung: Bà Nguyễn Kim L có nguyện vọng nuôi 02 con chung Nguyễn Trọng H, sinh ngày 02/10/2005 và Nguyễn Ngọc Khánh H1, sinh ngày 05/5/2015; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu H, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ông T đồng ý giao cháu H cho bà L nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức và cháu H cũng có nguyện vọng ở với bà L nên cần giao cháu H cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp và tạm

hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H đối với ông T. Đối với con chung Nguyễn Ngọc Khánh H1 thì cả Bà L và ông T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án cả hai bên không thỏa thuận được về người trực tiếp cháu H1. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T đang có công việc, thu nhập ổn định và hiện tại cháu H1 cũng đang sinh sống cùng ông. Bà L không có nơi ở ổn định, không có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại nơi đang sinh sống và công việc không đảm bảo thời gian để chăm sóc, đưa đón cháu H1. Để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của cháu H1 nên giao cháu H1 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông T không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà L. Bà L và ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết bà L, ông T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà L và ông T xác định không có.

[5] Về án phí: Bà L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim L và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trọng H, sinh ngày 02/10/2005 cho bà Nguyễn Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Nguyễn Ngọc Khánh H1, sinh ngày 05/5/2015 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà L và ông T. Bà L và ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, bà L và ông T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Kim L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà L đã nộp theo biên lai thu

tiền số AA/2018/000... ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh nên bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã Diên S (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Trần Thị Tuyết Sương**

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**